

Mẫu số 01

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2908/2023 /CBTT

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP ILA thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên công ty mẹ năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công Ty Cổ Phần ILA**

Mã chứng khoán: ILA

Địa chỉ: Khu Vạn Phúc City, 39 Đinh Thị Thi, P. Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP.

HCM Điện thoại liên hệ/Tel: 0782 168 168 Fax:

Email: info@ilagroup.com.vn Website: ilagroup.com.vn

Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2023 tại đường dẫn: <http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên/2023
- Văn bản giải trình; 2908/2023/ILA-CV.GT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Dặng Xuân Hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN IIA

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



12-31	6.	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
10-11	5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
09	4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
05-08	3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
03-04	2.	BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHỖ GIỮA NIÊN ĐỘ
01-02	1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Trang		

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN IIA

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Tổng Giám đốc công ty trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Cổ phần IIA.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần IIA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018. Công ty Cổ phần IIA tăng vốn điều lệ lên 185.299.390.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022. Công ty Cổ phần IIA thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 05/7/2023.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Trụ sở chính: Số 39 Đinh Thị Thi, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Công Hoàng

Ông Võ Xuân Phong

Ông Trần Đức Anh

Ông Hồ Việt Anh

Ông Cao Xuân Phụng

Ông Lê Tuấn Anh

Ông Đặng Xuân Hữu

Ông Thân Xuân Nghĩa

Ông Lê Nhật Nguyên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Thành Nhân

Bà Lê Thị Kiều Diễm

Bà Bùi Thị Kim Phương

Bà Lưu Kiều An

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Đức Anh

Ông Đặng Xuân Hữu

Ông Nguyễn Minh Tấn

Miền nhiệm

Bộ phận

Chủ tịch HĐQT

16/11/2021

18/5/2023

Thành viên

16/11/2021

18/5/2023

Thành viên

16/11/2021

18/5/2023

Thành viên

25/6/2022

18/5/2023

Thành viên

18/5/2023

18/5/2023

Bộ phận

Trưởng ban

22/11/2022

18/5/2023

Trưởng ban

18/5/2023

18/5/2023

Trưởng ban

28/10/2021

22/6/2023

Tổng Giám đốc

22/6/2023

22/6/2023

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Ông Trần Đức Anh - Tổng Giám đốc (người đại diện pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ 28/10/2021 đến 22/6/2023).

Ông Đặng Xuân Hữu - Tổng Giám đốc (người đại diện pháp luật của Công ty bắt đầu từ 22/6/2023).

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISIC ("Moore AISIC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty.

5. Cam kết của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đặng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Branch in Ha Noi:
Branch in Da Nang:

6th floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi City
350 Hai Phong Str., Chinh Gian Ward, Thanh Khe Dist., Da Nang City

T: (84.24) 3782 0045 F: (84.24) 3782 0048 E: hanoi@aisc.com.vn
T: (84.236) 374 7619 F: (84.236) 374 7620 E: danang@aisc.com.vn

kiểm toán.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thu thập phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về bảo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

2023 và Ban thuyết minh báo cáo tài chính.
6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm
Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần IIA (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN IIA

KINH GỬI: QUÝ CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

S6: A0723288-SX1R/MOORE AISC - DN6

T (8428) 3832 9129 F (8428) 3834 2957 E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Viet Nam
District 3, Ho Chi Minh City
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4

MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần IIA tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.




Le Hung Dung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2020-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISIC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Mã số
Thuyết
minh

Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG			
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	82.879.220
1.	Tiền	111	90.212.928
2.	Các khoản tương đương tiền	112	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn			
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	408.881.841
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	24.889.500.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	26.147.730.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	23.000.500.000
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(610.481.841)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-
IV. Hàng tồn kho			
1.	Hàng tồn kho	141	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-
V. Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.363.636
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155	-
		150	386.979.940
			386.979.940

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

Mẫu số B 01 - DN

Mã số
Thuyết
minh

TÀI SẢN

30/6/2023

01/01/2023

B. TÀI SẢN DÀI HẠN

132.250.000.000

186.794.604.465

I. Các khoản phải thu dài hạn

1. Phải thu dài hạn của khách hàng

2. Trả trước cho người bán dài hạn

3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc

4. Phải thu nội bộ dài hạn

5. Phải thu về cho vay dài hạn

7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

II. Tài sản cố định

1. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên giá

- Giá trị hao mòn lũy kế

2. Tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên giá

- Giá trị hao mòn lũy kế

3. Tài sản cố định vô hình

- Nguyên giá

- Giá trị hao mòn lũy kế

III. Bất động sản đầu tư

- Nguyên giá

- Giá trị hao mòn lũy kế

IV. Tài sản dở dang dài hạn

1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1. Đầu tư vào công ty con

2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

VI. Tài sản dài hạn khác

1. Chi phí trả trước dài hạn

2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại

3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

4. Tài sản dài hạn khác

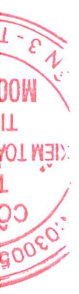
TỔNG CỘNG TÀI SẢN

270

206.182.706.564

225.388.761.268

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Ma số	Thuyết minh	C. NỢ PHẢI TRẢ	
I. Nợ ngắn hạn					
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	42.957.598	4.865.841.647
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	-	1.782.360.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.522.031.719	1.964.573.884
4.	Phải trả người lao động	314		68.095.114	87.827.980
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	50.000.000	34.442.646
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	22.306.779	506.235.992
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	6.513.712.127	19.873.694.828
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quy khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13.	Quy bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn					
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quy phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN

Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU			
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	185.299.390.000	185.299.390.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411	411
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	411b
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11.664.213.227
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	10.974.394.291
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	689.818.936
12.	Nguồn vốn đầu tư XD CB	422	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác			
1.	Nguồn kinh phí	431	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			
		440	206.182.706.564
			225.388.761.268

Lương Thị Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Minh Tấn
Kế toán trưởng

Đặng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20.363.444.805	51.234.626.201
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.363.444.805	51.234.626.201
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.316.086.217	50.466.842.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.047.358.588	767.783.857
(20 = 10 - 11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.740.441	42.037
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.326.974.036)	1.143.975.078
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		733.148.335	1.143.975.078
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	331.806.362	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	1.045.395.332	752.142.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		998.871.371	(1.128.291.683)
(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))				
11. Thu nhập khác	31		52.933	47.500.700
12. Chi phí khác	32	VI.6	24.708.276	335.966.902
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(24.655.343)	(288.466.202)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		974.216.028	(1.416.757.885)
(50 = 30 + 40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	284.397.092	12.636.819
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		689.818.936	(1.429.394.704)
(60 = 50 - 51 - 52)				

(Handwritten signature)

Lương Thị Ngọc Bích
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023

(Handwritten signature)

Nguyễn Minh Tân
Kế toán trưởng



Đặng Xuân Hư
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		974.216.028	(1.416.757.885)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03	VI.4,5	(1.918.995.535)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	60.473.164	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	733.148.335	1.143.975.078
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thay đổi vốn lưu động	08		(151.158.008)	(272.782.807)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(6.785.845.385)	12.092.679.582
- Tăng (+), giảm (-) chi phí trả trước	12		-	(53.683.186)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(767.590.981)	(1.143.975.078)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.174.053.695)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.089.680.427)	(55.746.086.776)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.147.730.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(132.316.799.564)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		188.921.526.400	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		30.456.996.836	-

Ban thuyết minh báo cáo tài chính là phân không thể tách rời của báo cáo này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHI TIÊU
Mã số
Thuyết minh
6 tháng đầu năm 2023
6 tháng đầu năm 2022

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	3.313.875.496	60.140.879.200
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(16.673.858.197)	(4.750.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.359.982.701)	55.390.879.200
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.333.708	(355.207.576)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.879.220	3.315.333.874
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	90.212.928	2.960.126.298

Người lập biểu

Nguyễn Minh Tân

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Đảng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tân
Kế toán trưởng

Người lập biểu
Lương Thị Ngọc Bích

Nguyễn Minh Tân

Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014. Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần IIA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HBQT ngày 01/3/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018. Công ty Cổ phần IIA tăng vốn điều lệ lên 185.299.390.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022. Công ty Cổ phần IIA thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 05/7/2023.

Mã chứng khoán: IIA.

Tên tiếng Anh: IIA JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: IIA JSC.

Trụ sở chính: Số 39 Đinh Thị Thi, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

3. Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023: 3 nhân viên. (Tải ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6 nhân viên).

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có ba (03) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần IIA E&C	Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án.	98,00%	98,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

7.1. Danh sách các công ty con

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo Địa chỉ: 40/5k, Tô 39, Khu phố 4, Thị trấn Học Môn, Huyện Học Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	95,00%	95,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vinh Khánh Địa chỉ: 854 QL1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Sản xuất sản phẩm từ Plastic, kính doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và sản xuất linh kiện điện tử	98,80%	98,80%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ và kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính riêng đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phong pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ được ghi nhận trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lại hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã qua hạn thanh toán, chưa qua hạn nhưng có thể không vay không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phong pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã qua hạn thanh toán, chưa qua hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì làm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phong pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Phong pháp kê khai thường xuyên.

Phong pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không chấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả. Các khoản nợ phải trả được đối chi tiết theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả (bao gồm việc danh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

6. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, vay cá nhân, vay tổ chức (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bất buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu
Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội đồng kiểm soát kế toán, điều chỉnh hội đồng kiểm soát sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định (thông tư) của Bộ lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2023.



BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo từng điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi ngân hàng và lãi chuyển nhượng cổ phiếu. Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được ghi nhận nhân vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ trong kỳ được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác. Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi phí tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo số sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2023, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính riêng nêu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, nhưng chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên của gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	01/01/2023
Tiền	90.212.928	82.879.220
Tiền mặt	86.724.261	60.239.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.488.667	22.639.380
Cộng	90.212.928	82.879.220

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính: Xem trang 28-29.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	-	271.424.993
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	87.989.000	87.989.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	320.892.841	320.892.841
Đổi tương khác	-	19.171.485.061
Cộng	408.881.841	19.851.791.895
		(408.881.841)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3) (*)	24.237.500.000	-
Công ty TNHH Tư Anh Modern House	622.000.000	(186.600.000)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30.000.000	(15.000.000)
Cộng	24.889.500.000	652.000.000
		(201.600.000)

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3) (*)

Công ty TNHH Tư Anh Modern House

Chi nhánh Công ty Cổ phần

Chứng khoán Bảo Việt

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng đất nền và thỏa thuận nguyên tắc về xây dựng nhà thổ trên nền đất được chuyển nhượng số 01/2023/HĐCN/ILA-ILA E&C ngày 06/6/2023, Công ty Cổ phần ILA nhận chuyển nhượng quyền mua tài sản số 175, đường số 5, lô A11, khu A, Diện tích nền đất: 138,5 m² do Công ty Cổ phần ILA E&C mua từ Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh nhà ("Chủ Đầu tư"). Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đã thanh toán đủ số tiền 24.237.500.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu về cho vay ngân hàng

	30/6/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Võ Quang Đức (1)	1.442.730.000	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2)	16.300.000.000	-
Bà Trần Thị Thanh Tâm (3)	8.405.000.000	-
Cộng	26.147.730.000	-

(1) Công ty Cổ phần ILA cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Võ Quang Đức theo Hợp đồng cho vay số 246/2023/HĐV-ILA ngày 24/6/2023. Số tiền cho vay: 1.442.730.000 VND. Thời hạn vay: 6 tháng, từ ngày 26/6/2023 đến ngày 26/12/2023. Lãi suất: 10%/năm tính từ ngày nhận tiền vay. Tài sản đảm bảo: Tín chấp. Mục đích cho vay: bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.

(2) Theo hợp đồng số 1105/2023/HĐMT ngày 11/5/2023 và hợp đồng số 1606/2023/HĐMT ngày 16/6/2023, Công ty Cổ phần ILA cho Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh vay với tổng số tiền 16.300.000.000 VND. Mục đích cho vay: sử dụng cho nhu cầu cá nhân. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Tài sản đảm bảo: Khoản cho vay được bảo lãnh từ bên thứ 3. Lãi suất cho vay: 6%/năm.

(3) Theo hợp đồng số 1906/2023/HĐMT ngày 19/6/2023, Công ty Cổ phần ILA cho Bà Trần Thị Thanh Tâm vay với tổng số tiền 8.405.000.000 VND. Mục đích cho vay: sử dụng cho nhu cầu cá nhân. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: 6%/năm. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản tiền cho vay.

6. Phải thu khác ngân hàng

	30/6/2023	01/01/2023
Ký cược, ký quỹ	23.000.500.000	10.190.500.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phụng Hoàng	-	7.190.000.000
Bà Lê Thị Thu Hương	-	3.000.000.000
Ông Võ Anh Tuấn (4)	23.000.000.000	-
Đổi tương khác	500.000	500.000
Cộng	23.000.500.000	10.190.500.000

(4) Theo hợp đồng đặt cọc để nhận chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNP/BTBĐ/2023 ngày 20/6/2023, Công ty Cổ phần ILA thực hiện đặt cọc cho ông Võ Anh Tuấn để nhận chuyển nhượng 3.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Bé tông Hưng Thịnh Bình Định với tổng giá trị chuyển nhượng là 70.000.000.000 VND.

7. Hàng tồn kho

	30/6/2023	01/01/2023
Gia gốc	Gia gốc	Gia gốc
Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng
Hàng hoá	-	7.838.887.589
Cộng	-	7.838.887.589

- Giá trị hàng tồn kho từ đóng, kèm, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
 - Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nợ xấu: Xem trang 30.

9. Phải trả cho người bán ngắn hạn

Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Gia trị	Số có khả năng trả nợ
30/6/2023	30/6/2023	01/01/2023	01/01/2023
42.957.598	42.957.598	4.865.841.647	4.865.841.647
7.957.598	7.957.598	-	-
35.000.000	35.000.000	-	-
-	-	1.513.801.850	1.513.801.850
-	-	3.352.039.797	3.352.039.797

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phụng Hoàng

Công ty Cổ phần Đông Hải và Vận tải biển Nam Phát Hải Phòng

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng khác

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

01/01/2023	30/6/2023	01/01/2023	30/6/2023
42.957.598	42.957.598	4.865.841.647	4.865.841.647
1.782.360.000	1.782.360.000	-	-
-	-	1.782.360.000	1.782.360.000

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phụng Hoàng

Công

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Số phải nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ
01/01/2023	30/6/2023	01/01/2023	30/6/2023
419.084.369	419.084.369	131.394.153	287.690.216
-	-	-	2.232.476.976
1.948.079.884	284.397.092	-	1.864.527
16.494.000	3.685.349	18.314.822	1.864.527
-	3.000.000	3.000.000	-
1.964.573.884	710.166.810	152.708.975	2.522.031.719

Thuế giá trị gia tăng

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Các loại thuế khác

Công

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

01/01/2023	30/6/2023	01/01/2023	30/6/2023
50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
-	-	-	34.442.646
34.442.646	34.442.646	-	-

Chi phí lãi vay

Chi phí thẩm định giá

Công

13. Phải trả khác ngắn hạn

01/01/2023	30/6/2023	01/01/2023	30/6/2023
506.235.992	506.235.992	22.306.779	506.235.992
-	-	49.469	502.000.000
4.235.992	4.235.992	15.803.102	-
6.454.208	6.454.208	15.803.102	4.235.992

Kinh phí công đoàn

Các khoản bảo hiểm xã hội

Phải trả khác

Công

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vay ngân hàng

Số có khả năng trả nợ	Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Gia trị
01/01/2023	19.873.694.828	30/6/2023	19.873.694.828
	19.873.694.828		19.873.694.828

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)

Công

Thuyết minh các khoản vay

(1) Vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 04/2022-HĐCVHM/NHCT944-LBB ngày 14/01/2022.
 Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND.
 Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 Thời hạn cho vay: 6 tháng theo từng kế ước nhận nợ.
 Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân.
 Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.
 Tài sản đảm bảo: Theo các hợp đồng thế chấp tại các thửa đất, các tờ bản đồ với cùng địa chỉ tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bang, tỉnh Bình Dương và các thửa đất, các tờ bản đồ với cùng địa chỉ tại Thị xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước của bên thứ 3.
 Dư nợ vay tại 30/6/2023 là 6.513.712.127 VND.

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số dư tại 01/01/2022	185.299.390.000	12.861.529.199	198.160.919.199
Lỗ trong kỳ	-	(1.429.394.704)	(1.429.394.704)
Số dư tại 30/6/2022	185.299.390.000	11.432.134.495	196.731.524.495
Số dư tại 01/01/2023	185.299.390.000	10.974.394.291	196.273.784.291
Lãi trong kỳ	-	689.818.936	689.818.936
Số dư tại 30/6/2023	185.299.390.000	11.664.213.227	196.963.603.227
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2023	01/01/2023
Vốn góp của các cổ đông	7,24%	13.410.350.000	694.000.000
Ông Võ Xuân Phong	7,15%	13.250.000.000	-
Ông Lê Nhật Nguyên	85,61%	158.639.040.000	184.605.390.000
Cổ đông khác	100,0%	185.299.390.000	185.299.390.000
Công			

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
185.299.390.000	185.299.390.000
185.299.390.000	185.299.390.000
185.299.390.000	185.299.390.000
-	-

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ

Vốn góp cuối kỳ

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.

01/01/2023	30/6/2023
18.529.939	18.529.939
18.529.939	18.529.939
18.529.939	18.529.939
18.529.939	18.529.939
18.529.939	18.529.939
18.529.939	18.529.939
10.000	10.000

ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
51.234.626.201	20.363.444.805
51.234.626.201	20.363.444.805

Doanh thu bán hàng hóa

Cộng

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
51.234.626.201	20.363.444.805

2. Giá vốn hàng bán

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
50.466.842.344	19.316.086.217
50.466.842.344	19.316.086.217

Giá vốn của hàng hóa đã bán

Cộng

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
50.466.842.344	19.316.086.217

3. Doanh thu hoạt động tài chính

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
42.037	1.740.441
42.037	1.740.441

Lãi tiền gửi không kỳ hạn

Cộng

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
42.037	1.740.441

4. Chi phí tài chính

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
1.143.975.078	733.148.335
1.143.975.078	733.148.335

Chi phí lãi vay

Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Chi phí chuyển nhượng đầu tư

Cộng

6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
1.143.975.078	733.148.335
-	60.473.164
-	(2.120.595.535)
1.143.975.078	733.148.335

(1.326.974.036)

1.143.975.078

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

9.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi ngân hàng.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giá định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

9.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giám sát rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các khách hàng xuyên thủng, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tài các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty danh gia rà soát các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Từ 1-5 năm	Từ 5 năm
Công			
Các khoản vay và nợ	6.513.712.127	-	19.873.694.828
Phải trả người bán	42.957.598	-	4.865.841.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác, chi phí phải trả	50.000.000	-	536.442.646
Cộng	6.606.669.725	-	25.275.979.121
Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.			

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của các bên thứ ba làm tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số V.14 - Vay và nợ thuê tài chính).

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 31.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khác ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, vay, nợ phải trả khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do nhúng công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trong yêu cầu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢO CẠO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	
6 tháng đầu năm 2023	3.313.875.496	6 tháng đầu năm 2023	60.140.879.200
6 tháng đầu năm 2022	16.673.858.197	6 tháng đầu năm 2022	4.750.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính quan trọng nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần IIA có những điều chỉnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 05 tháng 7 năm 2023, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Trần Đức Anh thành ông Đặng Xuân Hữu.
- Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan trong kỳ

Bên liên quan

Ông Lê Công Hoàng
 Bà Lê Thị Thành Huệ
 Ông Trần Đức Anh
 Ông Đặng Xuân Hữu
 Công ty TNHH MTV Phúc Hưng Golden
 Công ty Cổ phần Bé tông Hoàng Cát
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Hoàng Cát
 Công ty Cổ phần IIA E&C

Mối quan hệ

Nguyên Chủ tịch HĐQT
 Nguyên Chủ tịch HĐQT
 Em gái của Nguyên Chủ tịch HĐQT
 Ông Giám đốc
 Nguyên Ông Giám đốc
 Tổng Giám đốc
 Cùng ban điều hành
 Cùng ban điều hành
 Cùng ban điều hành
 Công ty con

Giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan		Nội dung nghiệp vụ	
6 tháng đầu năm 2023	300.000.000	6 tháng đầu năm 2022	-

Thuế văn phòng,
Thuế xe

Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Hoàng Cát

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TẠI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu ngân hàng của khách hàng	30/6/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Bê tông Hoàng Cát	-	271.424.993
Công	-	271.424.993
Trả trước cho người bán ngân hàng	30/6/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần ILA E&C	24.237.500.000	-
Công	24.237.500.000	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Ông Trần Đức Anh - Nguyễn Tông Giám đốc	62.371.617	56.000.000
Ông Đặng Xuân Hữu - Tổng Giám đốc	25.000.000	45.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn - Nguyễn Giám đốc tài chính	-	225.115.385
Công	87.371.617	326.115.385

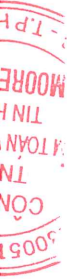
4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Lương Thị Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Minh Tân
Kế toán trưởng

Đặng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
a. Đầu tư vào công ty con	132.250.000.000	-	132.250.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần ILA E&C (1)	88.250.000.000	-	88.250.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo (2)	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh (3)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-	-
b. Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-	(2.120.595.535)	186.794.604.465
Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành (4)	-	-	-	-	(2.120.595.535)	186.794.604.465
Cộng	132.250.000.000	-	132.250.000.000	188.915.200.000	(2.120.595.535)	186.794.604.465

(1) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHDCD ngày 18/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần ILA E&C ("ILA E&C"). ILA E&C được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310259362 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2010 và được thay đổi lần 8 vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án. Tỷ lệ phần sở hữu là 98%. Trong 6 tháng đầu năm 2023, ILA E&C hoạt động kinh doanh bình thường nhưng không dẫn đến khả năng suy giảm giá trị khoản đầu tư nên Công ty không trích lập dự phòng tổn thất giá trị khoản đầu tư này.

(2) Căn cứ theo Nghị quyết số 3105/2023/NQ-HDQT ngày 31/5/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo ("PB"). PB được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317334509 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2022 và được thay đổi lần 2 vào ngày 08 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã đạt quyền kiểm soát 95% PB. Trong 6 tháng đầu năm 2023, PB hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(3) Căn cứ theo Nghị quyết số 3105/2023/NQ-HĐQT ngày 31/5/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh ("VKI"). VKI được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703078326 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2022 và được thay đổi lần 1 vào ngày 31 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất sản phẩm từ Plastic, kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và sản xuất linh kiện điện tử. Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ Bà Lê Thùy Trang (Bên liên quan) với giá chuyển nhượng là 5.000.000.000 VND và góp vốn thêm vào VKI với giá trị vốn góp là 20.000.000.000 VND, tương đương 98,8% vốn điều lệ của VKI. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã đạt quyền kiểm soát 98,8% VKI, tuy nhiên, VKI chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh. Trong 6 tháng đầu năm 2023, VKI hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

(4) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 18/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc thoái toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành ("HCCT"). Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu cho Ông Trần Anh Sơn và Bà Đậu Thị Kim Thoa với số lượng cổ phiếu chuyển nhượng lần lượt là 10.120.627 cổ phiếu và 6.747.084 cổ phiếu. Tại ngày 30/6/2023, Công ty Cổ phần ILA không còn nắm giữ cổ phần tại HCCT.

(*) Giá trị hợp lý tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023 của khoản đầu tư vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Do vậy, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/6/2023	31/12/2022	30/6/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
- Các khoản cho vay	26.147.730.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng	408.881.841	(610.481.841)	19.851.791.895	(408.881.841)
- Phải thu khác	23.000.500.000	-	10.190.500.000	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	90.212.928	-	82.879.220	-
TỔNG CỘNG	49.647.324.769	(610.481.841)	30.125.171.115	(408.881.841)
			49.036.842.928	29.716.289.274
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	6.513.712.127	-	19.873.694.828	-
- Phải trả người bán	42.957.598	-	4.865.841.647	-
- Phải trả khác	-	-	502.000.000	-
- Chi phí phải trả	50.000.000	-	34.442.646	-
TỔNG CỘNG	6.606.669.725	-	25.275.979.121	-
			6.606.669.725	25.275.979.121